



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

7. 7.

1172. Puṇṇamāse<sup>1</sup> yathā cando nakkhattaparivārito,  
samantā anupariyāti tārakādhipatī sasī.
1173. Tathūpamaṃ idaṃ vyamaṃ dībbaṃ devapuramhi ca,  
atirocati vaṇṇena udayantova raṃsimā.
1174. Veḷuriyasuvaṇṇassa phalīkā rūpiyassa ca,  
masāragallamuttāhi lohitaṅkamaṇīhi<sup>2</sup> ca.
1175. Citrā manoramā bhūmi veḷuriyassa santhatā,  
kūṭāgarā subhā rammā pāsādo te sumāpito.
1176. Rammā ca te pokkharaṇī puthulomanisevitā,  
acchodikā<sup>3</sup> vip̐pasannā soṇṇavālukasanthatā.<sup>4</sup>
1177. Nānāpadumasañchannā puṇḍarīkasamotatā,<sup>5</sup>  
surabhiṃ sampavāyanti manuññā māluteritā.
1178. Tassā te ubhato passe vanagumbā sumāpitā,  
upetā puppharukkhehi phalarukkhehi cūbhayaṃ.
1179. Sovaṇṇapāde pallaṅke muduke colasanthate,<sup>6</sup>  
nisinnaṃ devarājaṃva upatiṭṭhanti accharā.
1180. Sabbābharaṇasañchannā nānāmālā vibhūsitā,  
ramanti<sup>7</sup> taṃ mahiddhikaṃ vasavattīva modasi.
1181. Bherisaṅkhamudiṅgāhi vīṇāhi paṇavehi ca,  
ramasi ratisampanno naccagīte<sup>8</sup> suvādite.
1182. Dībbā te vivīdhā rūpā dībbā saddā atho rasā,  
gandhā ca te adhippetā phoṭṭhabbā ca manoramā.
1183. Tasmiṃ vimāne pavare devaputta mahappabho,<sup>9</sup>  
atirocasi<sup>10</sup> vaṇṇena udayantova bhānumā.<sup>11</sup>
1184. Dānassa te idaṃ phalaṃ atho sīlassa vā pana,  
atho añjalikammaṃ taṃ me akkhāhi pucchito 'ti.<sup>12</sup>
1185. So devaputto attamano moggallānena pucchito,  
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1186. Ahaṃ kapilavatthusmiṃ sākiyānaṃ puruttame,  
suddhodanassa puttassa kanthako<sup>13</sup> sahaḥ ahaṃ.<sup>14</sup>

<sup>1</sup> puṇṇamāye - Syā.

<sup>2</sup> lohitaṅkamaṇīhi - Ma, Syā.

<sup>3</sup> acchodakā - Ma, Syā.

<sup>4</sup> sovaṇṇavālukasanthatā - Ma, Syā.

<sup>5</sup> puṇḍarīkasamogatā - Syā.

<sup>6</sup> goṇakatthate - Ma; goṇasanthate - Syā.

<sup>7</sup> ramenti - Ma, Syā, PTS.

<sup>8</sup> naccagītesu - Syā.

<sup>9</sup> devaputtā mahappabhā - Syā.

<sup>10</sup> abhirocasi - Syā.

<sup>11</sup> bhānumā - Ma, Syā.

<sup>12</sup> pucchito - Ma.

<sup>13</sup> kaṇḍako - Ma; kaṇṭhako - Syā.

<sup>14</sup> ahaṃ - Syā.

## 7. 7.

1172. Giống như mặt trăng, chúa tể các vì sao, có hình con thỏ, vào ngày rằm, được vây quanh bởi các vì tinh tú, di chuyển vòng quanh.

1173. Tương tự như thế, Thiên cung này thuộc cõi Trời và ở thành phố của chư Thiên sáng chói vượt trội nhờ vào vẻ đẹp, tựa như mặt trời đang mọc lên.

1174. Ngọc bích, vàng, ngọc pha-lê, và ngọc ru-bi, với các viên ngọc mắt mèo, ngọc trai, và các viên ngọc ma-ni màu đỏ.

1175. Mặt nền đa dạng làm thích ý, được trải lót bằng ngọc bích, có các ngôi nhà mái nhọn xinh đẹp, đáng yêu; tòa lâu đài của người đã khéo được hóa hiện.

1176. Và các hồ sen của người là đáng yêu, được loài cá *puthuloma* lai vãng, có nước trong sạch, được yên tĩnh, được trải cát bằng vàng.

1177. Được che phủ bởi nhiều loại sen khác nhau, được trải rộng với những cây sen trắng, (các hồ sen) được ưng ý, được lay động bởi làn gió, tỏa ra hương thơm.

1178. Ở hai bên ấy của cái hồ, có những cụm rừng đã khéo được hóa hiện ra, có đủ cả hai loại với các loại cây bông hoa và các loại cây sinh trái.

1179. Ở chiếc ghế dài có chân bằng vàng, mềm mại, được trải lót lớp vải, các tiên nữ đứng hầu, tựa như (đứng hầu) vị Thiên Vương đã ngồi xuống.

1180. (Các tiên nữ) được che phủ với tất cả đồ trang sức, được tô điểm với các tràng hoa khác loại, tiêu khiển cho người, người có đại thân lực; người vui thú tựa như vị (Thiên Vương) Vasavatti.

1181. Với các cái trống, các tù và vỗ sò và các trống nhỏ, với các cây đàn *vīṇā*, và với các xập xỏa, được đầy đủ thú vui, người vui thú ở khúc vũ, lời ca, điệu nhạc hay.

1182. Các sắc thuộc cõi trời với nhiều hình thức là thuộc về người, các tinh thuộc cõi trời, rồi các vị, các hương, và các xúc thích ý được dành riêng cho người.

1183. Nay vị Thiên tử, ở Thiên cung quý cao ấy, người có ánh sáng vĩ đại, sáng chói vượt trội nhờ vào màu da, tựa như mặt trời đang mọc lên.

1184. Quả báu này của người là của sự bố thí, hay là của sự trì giới, hoặc của hành động chấp tay? Được hỏi, xin người hãy giải thích điều ấy cho ta.”

1185. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1186. “Ở kinh thành Kapilavatthu của những người Sakya, tôi đã là (con ngựa) Kanthaka, được sanh đồng thời với người con trai của (đức vua) Suddhodana.

1187. Yadā so aḍḍharattāyaṃ bodhāya mabhinikkhami,<sup>1</sup>  
so maṃ mudūhi pāṇihi jālatambanakkhehi<sup>2</sup> ca.
1188. Satthiṃ ākoṭayitvāna vaha sammāti c' abravī,  
ahaṃ lokaṃ tārayissaṃ patto sambodhimuttamaṃ.
1189. Taṃ me giraṃ suṇantassa hāso me vipulo ahu,  
udaggacitto sumano abhisamsiṃ<sup>3</sup> tadā ahaṃ.
1190. Abhirūḷhañca maṃ ñatvā sakyaputtaṃ<sup>4</sup> mahāyasaṃ,  
udaggacitto mudito vahissaṃ<sup>5</sup> purisuttamaṃ.
1191. Paresaṃ vijitaṃ gantvā uggatasmiṃ divākare,<sup>6</sup>  
mamaṃ channañca ohāya anāpekkho so apakkami.<sup>7</sup>
1192. Tassa tambanakhe pāde jivhāya parilehisam,  
gacchantañca mahāvīraṃ rudamāno udikkhisam.
1193. Adassanenaṃ tassa sakyaputtassa sirīmato,  
alattaṃ garukābādhaṃ khippaṃ me maraṇaṃ ahu.
1194. Tasseva anubhāvena vimānaṃ āvasāmidam,  
sabbakāmaguṇopetaṃ<sup>8</sup> dibbaṃ devapuramhi ca.
1195. Yañca me ahuvā hāso<sup>9</sup> saddaṃ sutvāna bodhiyā,  
teneva kusalamūlena phusissaṃ āsavakkhayaṃ.
1196. Sace hi bhante gaccheyyāsi satthu buddhassa santike,  
mamāpi naṃ<sup>10</sup> vacanena sirasā vajjāsi vandanaṃ.
1197. Ahampi datṭhuṃ gacchissaṃ jinaṃ appaṭipuggalaṃ,  
dullabhaṃ dassanaṃ hoti lokanāthāna tādinaṃ 'ti.
1198. So kataññū<sup>11</sup> katavedī satthāraṃ upasaṅkami,  
sutvā giraṃ cakkhumato dhammacakkhuṃ visodhayi.
1199. Visodhetvā<sup>12</sup> diṭṭhigataṃ vicikiccham<sup>13</sup> vatāni ca  
vanditvā satthuno pāde tatthevantaradhāyathā "ti.

### Kanthakavimānaṃ.

<sup>1</sup> sambodhāya abhinikkhami - Syā.

<sup>2</sup> jālitambanakkhehi - Ma.

<sup>3</sup> abhisīsīṃ - Ma; abhisīmsiṃ - Syā, PTS.

<sup>4</sup> sākyaputtaṃ - Syā.

<sup>5</sup> vāhissaṃ - Syā.

<sup>6</sup> divaṅkare - Syā.

<sup>7</sup> anāpekkho apakkami - Syā.

<sup>8</sup> sabbakāmaguṇūpetaṃ - Syā.

<sup>9</sup> ahu vāhāso - Syā.

<sup>10</sup> taṃ - Syā.

<sup>11</sup> so ca kataññū - Syā.

<sup>12</sup> visodhayitvā - Syā.

<sup>13</sup> vicikicchā - Syā.

1187. 1188. Vào lúc nửa đêm, vị ấy đã ra đi vì sự giác ngộ. Vị ấy, với hai bàn tay mềm mại, có màng lưới, và các móng tay màu đồng, đã vỗ vào đùi của tôi và đã nói rằng: ‘Này bạn, hãy đưa (ta) đi. Đạt được quả vị Toàn Giác tối thượng, ta sẽ giúp cho thế gian vượt qua.’

1189. Niềm vui bao la đã có cho tôi trong khi tôi đang lắng nghe câu nói ấy. Với tâm phấn khởi, với thiện ý, khi ấy tôi đã mong cầu.

1190. Và sau khi biết được người con trai dòng Sakya, có danh tiếng lớn lao, đã cõi lên tôi, với tâm phấn khởi, được hoan hỷ, tôi đã đưa bậc tối thượng nhân đi.

1191. Sau khi đi đến lãnh thổ của những người khác, khi mặt trời đã mọc lên, sau khi bỏ lại tôi và Channa, vị ấy đã bỏ đi, không đoái hoài.

1192. Bằng lưới, tôi đã liếm quanh hai bàn chân có móng chân màu đồng của vị ấy, và đã khóc lóc nhìn theo vị đại anh hùng đang ra đi.

1193. Do việc không còn nhìn thấy người con trai dòng Sakya vinh quang ấy, tôi đã nhận lấy cơn bệnh trầm trọng; cái chết đã nhanh chóng xảy đến cho tôi.

1194. Do nhờ năng lực của chính việc ấy, tôi trú ngụ tại Thiên cung này, có đủ tất cả các loại dục, và ở thành phố chư Thiên thuộc cõi Trời.

1195. Và việc tôi đã có niềm vui sau khi nghe được âm thanh của từ giác ngộ; do chính thiện căn ấy, tôi sẽ chạm đến sự cạn kiệt các lậu hoặc.

1196. Thừa ngài, bởi vì nếu ngài đi đến gặp đấng Phật, bậc Đạo Sư, xin ngài hãy nói với Vị Ấy luôn cả lời nói của tôi về việc đê đầu đánh lễ (của tôi).

1197. Tôi cũng sẽ đi để diện kiến đấng Chiến Thắng, bậc không người đối thủ; việc gặp gỡ các đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy là điều khó đạt được.”

1198. Vị (Thiên tử) ấy có sự tri ân, có sự hiểu biết về việc đã được làm, đã đi đến gặp bậc Đạo Sư. Sau khi lắng nghe lời nói của đấng Hữu Nhân, vị ấy đã làm trong sạch Pháp nhãn.

1199. Sau khi đã làm trong sạch việc sa vào (tà) kiến, hoài nghi, và (sự cố chấp vào) các nghi thức, vị ấy đã đánh lễ hai bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã biến mất ngay tại chỗ ấy.”<sup>1</sup>

### **Thiên Cung của Kanthaka.**

---

<sup>1</sup> Hai câu kệ cuối, 1198 và 1199, là của các vị kết tập (VvA. 317).